

TRƯỜNG THPT LINH TRUNG
TỔ: NGŨ VĂN

CẤU TRÚC ĐỀ THI CUỐI HỌC KÌ II – VĂN 10
(thời gian làm bài : 90 phút)

Bài thi cuối học kì II gồm 2 phần: gồm Đọc hiểu và Nghị luận văn học

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4 ĐIỂM)

Phần này sẽ bao gồm một đoạn văn hoặc đoạn thơ cùng với 4 câu hỏi nhỏ.

- Thể thơ
- Nội dung chính của văn bản
- Nhan đề
- Một số phong cách ngôn ngữ đã học.
- Phương thức biểu đạt.
- Biện pháp tu từ và tác dụng
- Ý nghĩa của hình ảnh, từ ngữ.../ thông điệp văn bản....

....

II. PHẦN LÀM VĂN (6 ĐIỂM)

Viết bài nghị luận văn học về tác phẩm nằm trong chương trình văn 10 gồm các đoạn trích: *Trao duyên* – 12 câu đầu (Truyện Kiều - Nguyễn Du), *Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ*- 8 câu đầu(Chinh phụ ngâm - Đặng Trần Côn)

ĐỀ CƯƠNG HƯỚNG DẪN ÔN THI CUỐI HK II
(Tham khảo)

ĐỀ 1: PHÂN TÍCH 8 CÂU ĐẦU ĐOẠN TRÍCH TÌNH CẢNH LẺ LOI CỦA NGƯỜI CHINH PHỤ

I. Mở bài

– Giới thiệu về tác giả, tác phẩm:

+ Đặng Trần Côn – một danh sĩ, một nhà thơ kiệt xuất của nền văn học cổ điển.

“*Chinh phụ ngâm khúc*” chính là một trong những tuyệt tác của ông được viết bằng chữ Hán, được mọi người biết đến rộng rãi qua bản dịch của nữ danh sĩ Đoàn Thị Điểm.

+ Đoạn trích “*Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ*” được đánh giá là một trong những trích đoạn hay nhất, đó không chỉ là lời tâm sự, nỗi nhớ của người chinh phụ mà hơn hết đoạn trích còn mang giá trị nhân đạo sâu sắc, đặc biệt là 8 câu thơ đầu bài.

- Trích văn tất 8 câu thơ đầu:

“*Dạo hiên vắng thầm gieo từng bước*

...

Hoa đèn kia với bóng người khá thương.”

II. Thân bài

1. Cảm nhận về 4 câu trước: Tình cảnh cô đơn lẻ loi của người chinh phụ

“Dạo hiên vắng thầm gieo từng bước

Ngồi rèm thưa rủ thác đòi phen.

Ngoài rèm thước chẳng mách tin

Trong rèm, dường đã có đèn biết chăng?”

- Dạo hiên vắng thầm gieo từng bước
 - Ngồi rèm thưa rủ thác đòi phen
 - Người chinh phụ vừa đi vừa đếm bước chân mình, như đang đếm từng ngày xa chồng.
 - Những bước chân của người chinh phụ tưởng như lặng lẽ, nhưng lại mang theo nỗi ưu phiền, lo lắng cho người chồng ở nơi chiến trường.
- => Đó là những bước chân nặng trĩu tâm tư, sự thương nhớ và nỗi xót xa.
- Người chinh phụ ngồi bên cửa sổ, hết buông lại cuốn rèm như một hành động vô thức, lặp đi lặp lại.

=> Nàng không ý thức được mình đang làm gì, vì đã dồn hết tâm tư, sự lo lắng, nhớ nhung cho người chồng nơi biên ải chẳng biết khi nào mới về.

- Tính từ “vắng”, “thưa” tạo nên sự trống trải cho không gian, tô đậm sự buồn tủi, cô đơn của người chinh phụ.

- Sử dụng từ “từng”, “đòi” càng nhấn mạnh sự lặp lại vô thức những hành động vô nghĩa của người chinh phụ.

=> Hành động của người chinh phụ thể hiện những ngổn ngang lo lắng, nỗi buồn phiền và tấm lòng son sắt mà nàng dành cho người chồng.

Chim thước: loài chim báo tin người đi xa trở về.

- Người chinh phụ ngóng trông bóng chim thước qua bức rèm thưa.
- Nhìn về thực tại với những nỗi nhớ, sự trông ngóng, ước muốn sum vầy đều xa vời, không được hồi âm, người chinh phụ càng thêm vô vọng.

2. Cảm nhận về 4 câu sau: Tâm trạng nhớ thương da diết

“Đèn có biết dường bằng chẳng biết,

Lòng thiếp riêng bi thiết mà thôi.

Buồn rầu nói chẳng nên lời,

Hoa đèn kia với bóng người khá thương.”

- Khi đối diện với ánh đèn, người chinh phụ khao khát được yêu thương và sẻ chia, câu hỏi tu từ khi ngồi trước ngọn đèn dầu chính là một lời than thở, bày tỏ sự chán chường, cô đơn đan xen với tuyệt vọng.

- Hình ảnh ngọn đèn là một hình ảnh quen thuộc, xuất hiện nhiều trong các tác phẩm văn học trung đại.

- Trong đoạn trích, ngọn đèn được sử dụng để ẩn dụ cho thời gian trôi nhanh, ẩn dụ cho sự lụi tàn, héo hon của một kiếp người.

=> Cuộc đời như một kiếp hoa đèn mong manh đang dở.

- Người chinh phụ thức trắng đêm cùng ngọn đèn vì xót xa cho tình cảnh của chính mình. Nhưng thời gian trôi qua, ngọn đèn cũng chẳng thức cùng nàng, chỉ để lại bóng dáng cô độc của người chinh phụ.

- Tính từ “bi thiết”, “buồn rầu”, “thương” thể hiện tâm trạng não nề của người chinh phụ:

+ Bi thiết là bi thương, thảm thiết, là nỗi đau không thể nói thành lời, là khát khao được thấu hiểu, được sẻ chia nhưng lại chẳng có ai để cùng tâm sự.

+ Thiết tha là cắt, mài (theo nghĩa Hán Việt): thể hiện nỗi đau chôn giấu tạo nên vết cắt sâu trong tâm khảm.

=> Nỗi đau, sự buồn tủi, khắc khoải của nàng mãi dồn nén trong tim, để rồi cửa vào trái tim cô đơn, khiến nỗi đau càng dày thêm theo từng ngày ngóng trông bóng người thương đang chinh chiến nơi chiến trường hiểm ác.

3. Nghệ thuật

- Bút pháp nghệ thuật ước lệ kết hợp thể thơ song thất lục bát cùng nhịp thơ chậm rãi đã thể hiện những mạch cảm xúc mang cung bậc khác nhau của người chinh phụ.

- Đoạn trích sử dụng nghệ thuật miêu tả tâm cảnh bằng ngoại cảnh cùng nhiều tính từ chỉ cảm xúc.

III. Kết bài

Tác giả đã thành công xây dựng hình ảnh người chinh phụ mang suy tư rồi bời, tâm trạng héo mòn chạm đến trái tim người đọc. Đồng thời, gợi nên sự đồng cảm sâu sắc đối với những người phụ nữ nặng tình trông ngóng bóng dáng người chồng đang tham gia những cuộc chiến tranh phi nghĩa (giá trị nhân đạo).

MB mẫu: “*Chinh phụ ngâm khúc*” bằng chữ Hán của Đặng Trần Côn, một danh sĩ hiếu học, tài ba sống vào khoảng nửa đầu thế kỉ XVIII, là một kiệt tác trong nền văn học cổ điển Việt Nam – đã được sự hóa thân kì diệu qua bản tương truyền của nữ sĩ Đoàn Thị Điểm. Đoạn trích “*Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ*” là sự thể hiện sâu sắc nhất cảm hứng nhân đạo và nghệ thuật tả cảnh ngụ tình của áng thơ “*Chinh phụ ngâm khúc*”. Câu thơ nào cũng đầy ắp tâm trạng nhớ nhung sầu muộn của nàng chinh phụ, nhất là tám câu đầu đoạn trích “*Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ*”:

ĐỀ 2: PHÂN TÍCH 12 CÂU ĐẦU ĐOẠN TRÍCH TRAO DUYÊN

1. Mở bài:

– Giới thiệu tác giả, tác phẩm:

+ Nguyễn Du là đại thi hào dân tộc danh nhân văn hóa thế giới. Tác phẩm Truyện Kiều của ông được xem là kiệt tác của nền văn học được dịch ra nhiều thứ tiếng.

+ Đoạn trích Trao duyên là một trong những đoạn thơ mở đầu cuộc đời lưu lạc đau khổ của Thúy Kiều sau khi phải bán mình để lấy tiền đút lót cho quan lại cứu cha và em. Trước lúc đi xa, Kiều đã cầu xin Thúc Vân chấp nhận mối duyên thừa thay Kiều chăm sóc cho Kim Trọng.

- Trích văn bản 12 câu đầu:

“ ...Cậy em em có chịu lời.

...

Ngậm cười chín suối hãy còn thơm lây”

2. Thân bài:

- Vị trí: Từ câu 723-734
- Nội dung: là lời Thuý Kiều nhờ cậy em mình, thay mình trả duyên cho Kim Trọng.

a. 2 câu đầu: Lời nhờ cậy của Thuý Kiều

“... Cậy em em có chịu lời,
Ngồi lên cho chị lạy rồi sẽ thưa”

- Lời lẽ trao duyên:
- + “Cậy”: Nhờ vả, gửi gắm, âm điệu nặng nề, gợi lên sự đau xót, mang hàm ý trông đợi, hi vọng.
- + “Chịu”: Nhận lời, bắt buộc chấp nhận, không thể chối từ, mang sắc thái nài ép, thúc ép người khác phải nhận lời.
- Cử chỉ, hành động trao duyên:
- + “Lạy, thưa”: Thái độ kính cẩn như với người bề trên, không phải là hành động của chị dành cho em => bất thường, tạo nên sự trang nghiêm.
- + Hành động bất thường nhưng ở đây hợp lý: sự hi sinh của Thuý Vân khi thay Kiều chấp duyên xứng đáng.
- Cách nói của Kiều thông minh, khéo léo => Cách sử dụng từ ngữ của Nguyễn Du rất tài tình.

b. 10 câu sau: Lý lẽ trao duyên của Kiều

- Tình cảnh của Kiều:

*“Giữa đường đứt gánh tương tư,
Keo loan chắp mối tơ thừa mặc em.”*

- + “Đứt gánh tương tư”: thành ngữ, ở đây chỉ mối duyên của Kiều và Kim Trọng dang dở.
- + “Mặc”: Phó mặc, uỷ thác, Thuý Vân thay Kiều trả duyên Kim Trọng.
- => Lời thuyết phục của Kiều rất khéo léo, thông minh, nhưng cũng chứa đựng nỗi đau đớn của Kiều.
- Tình cảm của Thuý Kiều và Kim Trọng:

*“Kể từ khi gặp chàng Kim,
Khi ngày quạt ước khi đêm chén thề.
Sự đâu sóng gió bất kì,
Hiếu tình khôn lẽ hai bề vẹn hai.”*

- + Hình ảnh “quạt ước, chén thề”: hình ảnh đêm thề nguyên, tình yêu hạnh phúc của Kiều
- + “Sự đâu sóng gió bất kì ... vẹn hai?": tai hoạ ập đến bất ngờ, Kiều phải chọn chữ hiếu => Từ bỏ tình yêu với Kim Trọng khiến Kiều rất đau khổ.
- => Gợi ra tình cảnh ngang trái để Thuý Vân hiểu.

*“Ngày xuân em hãy còn dài,
Xót tình máu mủ thay lời nước non.”*

– Thuý Kiều nhắc về tuổi trẻ, nhắc tới tình thân ruột thịt “Ngày xuân ... nước non”: Gọi ra tình máu mủ và tuổi xuân của Vân mong Vân nhận lời.

*“Chị dù thịt nát xương mòn,
Ngậm cười chín suối hãy còn thơm lây.”*

– Kiều nói về cái chết: “Chị dù thịt nát xương mòn/ Ngậm cười chín suối vẫn còn thơm lây”: Kiều dù chết nhưng vẫn mãn nguyện vì đã trả nghĩa cho Kim Trọng => Việc trả duyên cho Kim Trọng rất quan trọng.

→ Việc tới cái chết để Vân nhận lời, thể hiện sự cảm kích của Kiều ngay cả khi chết.

– Lời lẽ của Thuý Kiều vừa thấu tình đạt lý khiến Thuý Vân không thể từ chối.

– Kiều là người con gái thông minh, sắc sảo, có đức hi sinh cao cả, trọng tình nghĩa.

c. Nghệ thuật

– Sử dụng ngôn ngữ đặc sắc, tinh tế

– Sử dụng thành ngữ, hình ảnh ẩn dụ rất đa dạng.

– Nhịp điệu thơ giàu cảm xúc, nhẹ nhàng.

3. Kết bài:

– Cảm nhận của em.

MB mẫu: Truyện Kiều của Nguyễn Du là một trong những kiệt tác nổi bật góp phần làm nên diện mạo, đánh dấu sự phát triển đến đỉnh cao của văn học trung đại Việt Nam. Tác phẩm với 3254 câu thơ lục bát viết về cuộc đời chìm nổi của người con gái tài sắc nhưng bạc mệnh Thuý Kiều. Nhiều đoạn trích của thi phẩm được đưa vào chương trình SGK để dạy và học trong nhà trường, Trao duyên là một trong những đoạn trích như vậy. Trích đoạn đã tái hiện lại bi kịch tình yêu đầy đau đớn Thuý Kiều, qua đó thể hiện sự trân trọng, đồng cảm của tác giả Nguyễn Du với tình duyên dang dở và cuộc đời đầy sóng gió của nàng Kiều. Mười hai câu đầu đoạn trích đã thể hiện rõ điều đó.

I. CÁC BIỆN PHÁP TU TỪ

1. So sánh:

Khái niệm: So sánh là đối chiếu sự vật, hiện tượng này với sự vật, hiện tượng khác có nét tương đồng để làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

Ví dụ:

*Tuần kiệt như sao buổi sớm
Nhân tài như lá mùa thu*

(Nguyễn Trãi)

2. Nhân hóa:

Khái niệm: Nhân hóa là gọi hoặc tả con vật, cây cối, đồ vật,... bằng những từ ngữ vốn được dùng để gọi hoặc tả người; làm cho thế giới loài vật, cây cối, đồ vật,... trở nên gần gũi với con người, biểu thị được những suy nghĩ, tình cảm của con người.

Ví dụ: *Gậy tre, chông tre chông lại sắt thép quân thù. Tre xung phong vào xe tăng, đại bác*
(Thép Mới)

3. Ẩn dụ:

Khái niệm: Ẩn dụ là gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật, hiện tượng khác có nét tương đồng với nó nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

Ví dụ:

*Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi
Mặt trời của mẹ em nằm trên lưng*

(Nguyễn Khoa Điềm)

4. Hoán dụ:

Khái niệm: Hoán dụ là gọi tên sự vật, hiện tượng, khái niệm này bằng tên của một sự vật, hiện tượng khác có quan hệ gần gũi với nó, nhằm làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

Các kiểu hoán dụ:

a. Lấy bộ phận để gọi toàn thể:

Ví dụ: *Có một khuôn mặt mới trong lớp học.* → lấy khuôn mặt để chỉ học sinh.

b. Lấy vật chứa đựng để gọi vật bị chứa đựng :

Ví dụ: *Cả trường đều vui vẻ trong ngày 20 tháng 11.* → *Cả trường* chỉ tất cả các thành viên trong trường.

c. Lấy dấu hiệu sự vật để gọi sự vật :

Ví dụ: *Thôn Đoài thì nhớ thôn Đông,*

Cau thôn Đoài nhớ giầu không thôn nào

(Nguyễn Bính)

→ **Thôn Đoài** : Lấy nơi ở của người con trai để chỉ người con trai.

→ **Thôn Đông**: Lấy nơi ở của người con gái để chỉ người con gái.

d. Lấy cái cụ thể để nói cái trừu tượng :

Ví dụ: *Có tuổi hai mươi thành sóng nước*

Vỗ yên bờ mãi mãi ngàn năm

(Lê Bá Dương)